ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HƯNG VŨ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 291 /KH-UBND	*Hưng Vũ, ngày 07 tháng 10 năm 2026*

KẾ HOẠCH

Phát triển công nghiệp sinh học trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường giai đoạn 2026 – 2035 tầm nhìn đến 2045 trên địa bàn địa bàn xã Hưng Vũ

Thực hiện Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển công nghiệp sinh học ngành Nông nghiệp và Môi trường *(sau đây gọi tắt là Quyết định số 1466/QĐ-TTg)*; Kế hoạch số 335/KH-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về phát triển công nghiệp sinh học trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường giai đoạn 2026 - 2035 tầm nhìn đến 2045 trên địa bàn tỉnh.

Ủy ban nhân dân xã Hưng Vũ xây dựng Kế hoạch phát triển công nghiệp sinh học trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường giai đoạn 2026 - 2035 tầm nhìn đến 2045 trên địa bàn xã Hưng Vũ, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp tại Quyết định số 1466/QĐ-TTg và Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn phù hợp với điều kiện thực tiễn của xã Hưng Vũ nhằm hình thành và phát triển các doanh nghiệp công nghiệp sinh học trên địa bàn xã.

2. Yêu cầu

Đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa các ban, ngành, đoàn thể của xã và các thôn, bản; ưu tiên nguồn lực cho phát triển công nghiệp sinh học trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường trên địa bàn xã.

II. MỤC TIÊU

Triển khai theo đúng mục tiêu Kế hoạch phát triển công nghiệp sinh học ngành nông nghiệp và môi trường tại Quyết định số 1466/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch số 335/KH-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

1. Mục tiêu chung

Phát triển ngành công nghiệp sinh học có vai trò quan trọng góp phần đổi mới mô hình tăng trưởng nông nghiệp và môi trường dựa trên khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; làm chủ công nghệ lõi, công nghệ chiến lược, phát triển hệ sinh thái doanh nghiệp và sản phẩm công nghệ chiến lược, quy mô công nghiệp, có sức cạnh tranh cao phục vụ phát triển nông nghiệp xanh, tuần hoàn, bền vững, góp phần quan trọng vào tăng trưởng của ngành, tăng trưởng của

nền kinh tế "hai con số", bảo đảm chủ động về công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường, quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Giai đoạn 2026 - 2030

Triển khai ứng dụng và phát triển công nghệ chiến lược (công nghệ sinh học và y sinh tiên tiến, công nghệ di truyền, công nghệ tế bào, chọn giống chính xác, chọn giống theo hệ gen,...), sản phẩm công nghệ chiến lược (giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản thế hệ mới; vắc-xin, bộ sinh phẩm (KIT) chẩn đoán, chế phẩm sinh học thế hệ mới, phân bón hữu cơ vi sinh, thuốc sinh học, chế phẩm bảo quản nông sản, xử lý môi trường dùng trong chăn nuôi, thú y, thủy sản, trồng trọt và bảo vệ thực vật); công nghệ bảo quản, chế biến sâu đáp ứng các tiêu chuẩn xuất khẩu, phục vụ sản xuất trồng trọt và bảo vệ thực vật, chăn nuôi và thú y, thủy sản, lâm nghiệp và kiểm lâm, bảo tồn đa dạng sinh học, từng bước thay thế các sản phẩm nguồn gốc hóa học, sản phẩm nhập khẩu vào công nghiệp sinh học trên địa bàn xã Hưng Vũ.

Thu hút, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đủ trình độ tiếp nhận và chuyển giao công nghệ mới, công nghệ tiên tiến, công nghệ chiến lược ở quy mô công nghiệp, phát triển kinh tế, đáp ứng điều kiện thực tiễn của xã.

Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong xã sản xuất, thương mại các sản phẩm công nghệ sinh học quy mô công nghiệp.

b) Giai đoạn 2031 - 2035 và tầm nhìn đến năm 2045

Từng bước triển khai ứng dụng và phát triển công nghệ sinh học thế hệ mới, công nghệ sinh học chiến lược, công nghệ chỉnh sửa gen; tiếp nhận chuyển giao, ứng dụng các công nghệ này để tạo ra sản phẩm quy mô công nghiệp và cung ứng cho thị trường trong nước và xuất khẩu các sản phẩm chất lượng, an toàn trên địa bàn xã.

Tăng cường đầu tư, hỗ trợ trang thiết bị, chuẩn bị nguồn nhân lực công nghệ sinh học đủ trình độ, năng lực để tiếp nhận, ứng dụng và chuyển giao công nghệ mới, công nghệ tiên tiến ở quy mô công nghiệp đáp ứng yêu cầu thực tiễn, phát triển kinh tế nông nghiệp và môi trường phù hợp với tình hình thực tiễn của xã.

Thúc đẩy, hỗ trợ các doanh nghiệp trên địa bàn tham gia phát triển thương mại sản phẩm công nghệ sinh học nông nghiệp và môi trường phục vụ sử dụng trong nước và xuất khẩu.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Ứng dụng khoa học và công nghệ phục vụ tăng trưởng ngành nông nghiệp và môi trường

a) Về trồng trọt, lâm nghiệp

Triển khai các nhiệm vụ ứng dụng công nghệ sinh học trong cải tiến tính trạng quý trên các loại cây trồng nông, lâm nghiệp chủ lực của xã nhằm tăng sức

chống chịu dịch hại, mang lại giá trị kinh tế cao nhằm nhân rộng đưa vào thực tiễn, sản xuất sản phẩm hàng hóa phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

Tiếp nhận và triển khai các nhiệm vụ phát triển, ứng dụng công nghệ chiến lược (công nghệ gen thế hệ mới, công nghệ chỉnh sửa gen, công nghệ tế bào), phát triển sản phẩm công nghệ chiến lược trong nghiên cứu chọn tạo giống cây trồng mang tính trạng tốt, chế phẩm sinh học phòng chống dịch hại, thích ứng với biến đổi khí hậu, có năng suất, chất lượng vượt trội phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn xã.

Tiếp nhận và từng bước ứng dụng công nghệ nhân giống vô tính đối với một số cây trồng nông, lâm nghiệp quy mô công nghiệp; nâng cao năng suất, chất lượng, giảm giá thành, đáp ứng nhu cầu sản xuất trong nước và xuất khẩu.

Tập trung phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học hiện đại, đặt hàng sản xuất các giống cây trồng, vật nuôi chủ lực của xã theo hướng áp dụng công nghệ cao nhằm bảo đảm năng suất, chất lượng, thích ứng với biến đổi khí hậu và có giá trị kinh tế cao phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu; tiếp nhận và áp dụng các công nghệ sau thu hoạch; các chế phẩm sinh học thế hệ mới, KIT chẩn đoán, giám định, quản lý sinh vật hại cây trồng và chẩn đoán độ phì nhiêu, sức khỏe đất trồng trọt, nước tưới và môi trường… phục vụ cho phát triển nông nghiệp an toàn, nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn xã.

Phối hợp với các cơ quan cấp trên cập nhật và cung cấp đầy đủ cơ sở dữ liệu lên hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu ADN barcode đối với nguồn gen di truyền bản địa làm cơ sở cho việc bảo tồn, khai thác, phục tráng và phát triển, bảo hộ thương hiệu, chỉ dẫn địa lý đối với nhóm sản phẩm đặc sản của xã.

Đẩy mạnh thu hút đầu tư, khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp trên địa bàn đầu tư vào nghiên cứu, đổi mới công nghệ, áp dụng công nghệ tiên tiến trong sản xuất, ứng dụng nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, năng lực cạnh tranh các sản phẩm công nghệ sinh học nông nghiệp và môi trường quy mô công nghiệp của xã.

b) Về vật nuôi, thủy sản, thú y

Triển khai các nhiệm vụ phát triển, ứng dụng công nghệ gen thế hệ mới, công nghệ chỉnh sửa gen, công nghệ chiến lược nhằm tiếp nhận chuyển giao kỹ thuật vào sản xuất, đánh giá chất lượng con giống vật nuôi, thủy sản, thú y; chọn tạo giống vật nuôi, thủy sản chủ lực tích hợp nhiều đặc tính mới, ưu việt (năng suất cao, chất lượng tốt, sức chống chịu tốt với bệnh dịch, thích ứng biến đổi khí hậu và điều kiện môi trường bất lợi); vắc-xin, chế phẩm sinh học và các sản phẩm sinh học sử dụng trong giám sát, chẩn đoán, xét nghiệm, phòng, chống dịch bệnh; chuyển giao, nhân rộng trong sản xuất trên địa bàn xã.

Triển khai các nhiệm vụ phát triển, ứng dụng công nghệ sinh sản để cải tiến chất lượng, số lượng và quy mô giống vật nuôi, thủy sản chủ lực; chất lượng thuốc, vắc-xin, chế phẩm sinh học dùng trong chăn nuôi, thú y, nuôi trồng thủy sản.

Từng bước ứng dụng công nghệ sinh học thế hệ mới, KIT phát hiện nhanh, giám định tác nhân gây bệnh, đặc biệt một số bệnh quan trọng, bệnh mới phát sinh ở vật nuôi, thủy sản; kiểm soát dư lượng các chất cấm trong thực phẩm có nguồn gốc từ động vật; công nghệ tạo chế phẩm nâng cao sức đề kháng và hiệu quả sử dụng dinh dưỡng của vật nuôi, thủy sản; phát triển, sản xuất vắc-xin thế hệ mới phòng bệnh vật nuôi, thủy sản; sản xuất thuốc thú y sinh học có hiệu quả kinh tế cao; giám sát, cảnh báo, phòng, chống kháng thuốc; chuyển giao công nghệ, quy trình sản xuất ở quy mô công nghiệp trên địa bàn xã.

Tiếp nhận và ứng dụng công nghệ enzym, protein, vi sinh tạo sản phẩm nâng cao hiệu quả sử dụng dinh dưỡng, nâng cao sức đề kháng vật nuôi đối với các yếu tố sinh học, phi sinh học.

c) Về bảo quản, chế biến, sau thu hoạch

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ hiện đại tiên tiến, KIT phục vụ kiểm định, đánh giá an toàn và chất lượng thực phẩm từ cây trồng, vật nuôi, thủy sản; giám định, chẩn đoán tác nhân gây bệnh, giám sát các yếu tố gây suy giảm chất lượng nông sản, thực phẩm; công nghệ tạo chế phẩm sinh học để nâng cao giá trị gia tăng và hiệu quả sử dụng các phụ phẩm chế biến sau thu hoạch trong nông nghiệp, lâm nghiệp, chăn nuôi, thủy sản trên địa bàn xã.

Tiếp nhận và phát triển công nghệ tạo chế phẩm sinh học phục vụ sơ chế, bảo quản đáp ứng tiêu chuẩn an toàn thực phẩm, nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm nông sản chủ lực của xã.

2. Xây dựng và phát triển tiềm lực công nghiệp thu hút đầu tư vào công nghiệp sinh học

a) Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, hạ tầng

Ưu tiên thu hút các dự án phát triển ngành công nghiệp sinh học. Quy hoạch rõ ràng các khu vực định hướng xây dựng xây dựng cơ sở hạ tầng phù hợp đáp ứng các yêu cầu của doanh nghiệp công nghệ sinh học nhằm nâng cao thế mạnh của xã tạo sức hút đầu tư đối với các doanh nghiệp công nghệ sinh học đầu tư xây dựng trên địa bàn xã.

b) Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực

Cử cán bộ, công chức tham gia các khoá đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu về số lượng và chất lượng phục vụ phát triển ngành công nghiệp sinh học nông nghiệp và môi trường trên địa bàn xã, công nghệ chiến lược và thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị, nhiệm vụ nghiên cứu, phát triển công nghệ chiến lược, sản phẩm công nghệ chiến lược.

Chú trọng đào tạo nâng cao đối với đội ngũ thực hiện các nhiệm vụ về quản lý và phát triển công nghiệp sinh học.

Xây dựng kế hoạch cử cán bộ tham gia các lớp đào tạo kỹ thuật viên về công nghiệp sinh học lĩnh vực nông nghiệp và môi trường, kết hợp tập huấn, tiếp nhận chuyển giao công nghệ và tiến bộ kỹ thuật mới trong lĩnh vực công nghệ

sinh học nông nghiệp và môi trường cho các doanh nghiệp và người dân trên địa bàn xã.

c) Cung cấp thông tin, hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu và thông tin quốc gia về công nghệ sinh học nông nghiệp và môi trường

Thường xuyên cung cấp thông tin, cơ sở dữ liệu về công nghệ sinh học nông nghiệp và môi trường của xã lên hệ thống cơ sở dữ liệu và thông tin quốc gia về công nghệ sinh học nông nghiệp và môi trường; thường xuyên cập nhật các thông tin cơ bản nhất, mới nhất về công nghệ sinh học nông nghiệp và môi trường trên hệ thống cơ sở dữ liệu và thông tin quốc gia về công nghệ sinh học nông nghiệp và môi trường.

3. Xây dựng và phát triển công nghiệp sinh học ngành nông nghiệp và môi trường

Thu hút và phát triển các doanh nghiệp công nghiệp sinh học nông nghiệp và môi trường ở quy mô công nghiệp trong các lĩnh vực về giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản chủ lực; phân hữu cơ, hữu cơ vi sinh, thuốc bảo vệ thực vật sinh học, chế phẩm sinh học xử lý môi trường, thức ăn chăn nuôi... phục vụ sản xuất nông nghiệp an toàn, nông nghiệp hữu cơ; chế phẩm sinh học phục vụ bảo quản chế biến sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản chủ lực phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu; văc-xin phòng bệnh cho vật nuôi, thủy sản, thuốc thú y sinh học, KIT chẩn đoán, xét nghiệm, giám sát dịch bệnh, dịch hại quan trọng đối với cây trồng, vật nuôi, thủy sản chủ lực và kiểm soát dư lượng các chất cấm trên địa bàn xã.

Tập trung phát triển đồng bộ chuỗi ứng dụng - sản xuất - kinh doanh các sản phẩm công nghệ sinh học nông nghiệp và môi trường theo hướng ứng dụng công nghệ cao, bảo đảm năng suất, chất lượng, thích ứng với biến đổi khí hậu và khả năng cạnh tranh, phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

Đẩy mạnh phát triển hỗ trợ liên kết giữa các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông nghiệp quy mô công nghiệp với các tổ chức nghiên cứu và đội ngũ chuyên gia đầu ngành trong nước. Tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận, hợp tác nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, phát triển và thương mại hóa sản phẩm nông nghiệp và môi trường ứng dụng công nghệ sinh học, góp phần nâng cao giá trị gia tăng và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong xã, góp phần hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo.

4. Rà soát và hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển công nghiệp sinh học ngành nông nghiệp và môi trường

Rà soát, đề xuất cơ quan có thẩm quyền bổ sung các cơ chế, chính sách ưu đãi, khuyến khích nghiên cứu khoa học, phát triển, chuyển giao và ứng dụng công nghệ sinh học vào sản xuất, đời sống; chính sách ưu đãi, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư phát triển công nghiệp sinh học ngành nông nghiệp và môi trường; chính sách thu hút và đa dạng hóa các nguồn lực đầu tư cho phát triển công nghiệp sinh học và chính sách ưu đãi, trọng dụng thu hút nhân tài về công nghệ sinh học ngành nông nghiệp và môi trường trên địa bàn xã.

Áp dụng chính sách và các quy định pháp luật về quản lý an toàn sinh học đối với các sản phẩm công nghệ sinh học phù hợp với các cam kết quốc tế và chính sách, pháp luật của Việt Nam; thu hút, khuyến khích đầu tư, nghiên cứu và ứng dụng công nghệ sinh học trên địa bàn.

Triển khai áp dụng có hiệu quả các chính sách ưu đãi về thuế, đất đai, tín dụng, hỗ trợ chuyển giao, nhập khẩu công nghệ và bí quyết công nghệ, phát triển thị trường công nghệ tiên tiến từ nước ngoài cho các doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu và phát triển công nghiệp sinh học nông nghiệp và môi trường trên địa bàn xã.

Đẩy mạnh cơ chế, chính sách bảo đảm mối liên kết "3 nhà", khuyến khích doanh nghiệp đầu tư sản xuất quy mô công nghiệp và thương mại hóa sản phẩm công nghệ sinh học theo cơ chế thị trường.

Áp dụng hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm công nghệ sinh học; thực hiện chế độ theo dõi, đôn đốc, tổng hợp, giám sát, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch trên phạm vi của xã.

Áp dụng khung đánh giá và quản lý rủi ro đối với sản phẩm công nghệ sinh học; vận dụng hệ thống giám định và phát hiện sinh vật biến đổi gen; thiết lập cơ chế giám sát sau cấp phép và xử lý sự cố; cung cấp đầy đủ cơ sở dữ liệu và cơ chế công khai thông tin bảo đảm thực hiện đầy đủ các cam kết.

5. Truyền thông nâng cao nhận thức về công nghiệp sinh học

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến và quán triệt các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về phát triển công nghiệp sinh học ngành nông nghiệp và môi trường để tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức của các cấp, các ngành và toàn xã hội về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của công nghiệp sinh học nói chung và công nghiệp sinh học ngành nông nghiệp và môi trường nói riêng đối với sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, phát triển công nghiệp sinh học thành ngành kinh tế - kỹ thuật có đóng góp quan trọng trong tăng trưởng kinh tế.

Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục để nâng cao nhận thức cho các cấp, các ngành và toàn xã hội về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của công nghiệp sinh học trong nông nghiệp và môi trường.

Tuyên truyền phổ biến kiến thức, thành tựu khoa học, công nghệ sinh học mới, các kết quả nổi bật của công nghiệp sinh học nông nghiệp và môi trường trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Tổ chức các hoạt động khuyến nông và khuyến công để giới thiệu, tập huấn, hướng dẫn cho người dân, doanh nghiệp và các cấp, các ngành về các tiến bộ kỹ thuật của công nghệ sinh học, tạo cơ sở cho việc phát triển công nghiệp sinh học ngành nông nghiệp và môi trường trên địa bàn xã.

Phổ biến các kết quả nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, giới thiệu mô hình doanh nghiệp công nghiệp sinh học ngành nông nghiệp và môi trường.

Tuyên truyền, khuyến khích sử dụng các sản phẩm công nghiệp sinh học ngành nông nghiệp và môi trường phục vụ sản xuất trong xã.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Nguồn kinh phí thực hiện được đảm bảo từ ngân sách nhà nước (ngân sách xã, ngân sách cấp trên hỗ trợ), vốn doanh nghiệp, vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn vay từ các tổ chức tín dụng, tài trợ quốc tế và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác. Trong đó, khuyến khích nguồn vốn đầu tư của các doanh nghiệp hoặc đầu tư theo hình thức công tư để phát triển, ứng dụng công nghệ sinh học nông nghiệp và môi trường trên địa bàn xã.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Văn hoá - Xã hội

Là cơ quan đầu mối, theo dõi tình hình thực hiện các nhiệm vụ; tổng hợp, báo cáo và tham mưu Ủy ban nhân xã chỉ đạo triển khai Kế hoạch.

Tham mưu phối hợp với các sở, ngành tỉnh đề xuất đặt hàng triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học để sản xuất giống cây trồng, vật nuôi, giống thủy sản và sản xuất các chế phẩm sinh học trong nông nghiệp; bảo vệ và phát triển các nguồn gen quý bản địa; ứng dụng công nghệ sinh học phát triển kinh tế-xã hội gắn với bảo vệ môi trường trên địa bàn xã.

2. Phòng Kinh tế

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai các nhiệm vụ phát triển công nghiệp sinh học trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường gắn với sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi, lâm nghiệp và phát triển các sản phẩm chủ lực của địa phương; hướng dẫn, khuyến khích các tổ chức, cá nhân, hợp tác xã, hộ sản xuất, kinh doanh ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công nghệ sinh học vào sản xuất, bảo quản, chế biến và xử lý môi trường.

Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân xã cân đối, bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo khả năng cân đối ngân sách và quy định hiện hành; phối hợp hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí thực hiện Kế hoạch bảo đảm đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả và đúng quy định của pháp luật.

3. Các cơ quan đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân xã Hưng Vũ

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động xây dựng kế hoạch chi tiết để triển khai các nội dung của Kế hoạch này, đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương và đạt được các mục tiêu đề ra.

4. Trưởng các thôn trên địa bàn xã

Triển khai tuyên truyền bằng nhiều hình thức đa dạng đến đông đảo người dân về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của công nghiệp sinh học trong nông nghiệp và môi trường. Khuyến khích người dân áp dụng, sử dụng rộng rãi công nghệ sinh học như: công nghệ biogas, công nghệ đệm lót sinh học và các chế phẩm sinh học

trong chăn nuôi gia súc, gia cầm; nuôi, trồng thủy sản; trong xử lý chất thải từ các trang trại chăn nuôi; trong xử lý phụ phẩm từ sản xuất nông nghiệp; bảo vệ và phát triển nguồn gen quý của địa phương.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị, cá nhân kịp thời phản ánh về Ủy ban nhân dân xã (qua Phòng Văn hoá- Xã hội) để tổng hợp, báo cáo và đề xuất hướng giải quyết./.

Nơi nhận:
- Chủ tịch, PCT UBND xã;
- UBMTTQ Việt Nam xã và các tổ chức CT-XH xã;
- Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn xã;
- Công an xã;
- Các thôn, Tổ CNSCĐ;
- Lưu: VT, VHXH

CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ HƯNG VÕ T.T.NG SƠN

Phạm Bá Hạnh